

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HS-ST

Ngày 02 - 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thêu

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/HSST-QĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 đối với:

I. Bị cáo: **Trần Văn T**, sinh ngày 02/01/1982 tại tỉnh Hưng Yên.

Nơi cư trú: Đội 3, thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Trần Văn B (đã chết); Mẹ đẻ: Đỗ Thị Q, sinh năm 1957; Vợ: Đỗ Thúy P, sinh năm 1985; Có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Quyết xử lý phạt vi phạm hành chính số 2223/QĐ-XPVPHC ngày 30/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh H phạt tiền 175.000.000 đồng về hành vi “Khai thác cát lòng sông mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi tổng khối lượng cát đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm từ 50m³ trở lên”.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

II. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Đình Văn L**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số nhà E, ngõ I, thôn N, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội (có mặt).

III. Người làm chứng:

- Anh **Bùi Văn H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: xóm B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Anh **Trần Văn Q1**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: thôn B, Kênh G, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

- Chị **Trần Thị L1**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn B, Kênh G, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

- Anh **Phạm Như H1**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn E, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

- Anh **Phạm Xuân T1**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn E, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

- Anh **Bùi Văn L2**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/11/2022, Trần Văn T bị Ủy ban nhân dân tỉnh H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2223/QĐ-XPVPHC phạt tiền 175.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Khi chưa hết thời gian được coi là chưa bị xử phạt hành chính, thông qua bạn bè T gặp được anh Đình Văn L, thoả thuận anh L cho T thuê tàu vỏ xi măng không biển kiểm soát để hút cát ở mỏ cát xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam, hợp đồng thuê ký ngày 24/10/2023, thời gian thuê 30 ngày, từ 24/10/2023 đến 24/11/2023 với giá 500.000.000 đồng/tháng (nhưng T chưa thanh toán). Trong thời gian chờ mỏ cát ở xã M mở cửa để khai thác, T thỏa thuận anh L là người đưa tàu ra sông H thuộc địa phận thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình (thuộc tọa độ $X(m) = 2276447,00$; $Y(m) = 56586,00$; $X(m) = 2276544,00$; $Y(m) = 565863,00$) để khai thác cát mang đi bán, T là người chỉ cho anh L biết vị trí hút cát là khu vực không được cấp phép khai thác cát, anh L sẽ lo tiêu thụ cát theo phương thức thống nhất: nếu anh L gọi tàu đến mua cát thì anh L sẽ trả cho T từ 35.000 đồng/m³ đến 50.000 đồng/m³; nếu T gọi tàu đến mua cát thì T sẽ phải trả anh L 15.000 đồng/m³. Trong ngày 24/10/2023 ngay sau khi T ký hợp đồng thuê tàu, anh L chủ tàu đã thuê Bùi Văn H

là em họ trông coi, quản lý tàu, L còn lên mạng xã hội thuê được 4 người không rõ tên, tuổi, địa chỉ để điều khiển tàu, thực hiện việc khai thác cát và từ ngày 24/10/2023 đến ngày 27/10/2023, anh L chỉ đạo H và 4 người trên đem tàu ra hút thăm dò vị trí quanh khu vực mà T chỉ. Sau đó, từ ngày 29/10/2023 đến ngày 04/11/2023, T và anh L đã khai thác cát trái phép, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng 15 giờ ngày 29/10/2023, L gọi điện thoại thông báo cho T hôm nay có tàu về hút cát, T nói với L khoảng 23 giờ cho tàu vào. Liêm lên mạng facebook, vào hội nhóm tàu thuyền và vật liệu xây dựng tìm được thông tin anh Trần Văn Q1, sinh năm 1987, trú tại thôn K, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình là chủ tàu NB-8459 cần mua cát, L chào bán cát với giá từ 56.000 đồng/m³ đến 60.000 đồng/m³, Q1 đồng ý, L hẹn Q1 tối ngày 29/10/2023 điều khiển tàu đến vị trí cách cầu T khoảng 500m để lấy cát, khi đến thì liên hệ với Bùi Văn H để được hướng dẫn cụ thể. Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 29/10/2023, anh Q1 điều khiển tàu NB-8459 sang địa bàn tỉnh Thái Bình liên lạc qua điện thoại với Bùi Văn H, được anh H hướng dẫn di chuyển tàu của Q1 sát vào tàu vỏ xi măng không biển số do anh H quản lý để đặt ống hút cát lên khoang tàu của Q1, hút đến khoảng 01 giờ 45 phút ngày 30/10/2023 được khoảng 500m³ cát. Sau đó, anh Q1 điều khiển tàu về khu vực cầu L, trên sông N, tỉnh Nam Định liên hệ với anh Phạm Xuân T1, sinh năm 1990, trú tại xóm E, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định để bán toàn bộ số cát này với giá 70.000 đồng/m³, anh T1 thanh toán cho anh Q1 35.000.000 đồng. Ngày 30/10/2023, anh Q1 mới chuyển 30.000.000 đồng từ số tài khoản 102876940226 của vợ là Trần Thị L1 đến tài khoản 19027690422014 của Đinh Văn L tại Ngân hàng T2, cùng ngày L chuyển 17.800.000 đồng vào tài khoản số 0968009989 của Trần Văn T mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Quân đội để thanh toán.

- Lần thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 31/10/2023, anh L gọi điện thoại thông báo cho T tối nay có tàu vào hút cát, T đồng ý và chỉ vị trí khai thác cát như lần trước. Anh L lại liên hệ với anh Q1 để bán cát. Khoảng 22 giờ cùng ngày, anh Q1 điều khiển tàu NB-8459 đến vị trí lần trước và buộc vào tàu vỏ xi măng để hút cát lên, đến khoảng 01 giờ ngày 01/11/2023 hút được khoảng 500m³. Q1 điều khiển tàu về bán toàn bộ số cát này cho anh Bùi Văn L2, sinh năm 1974, trú tại thôn H, xã Đ, huyện Đ. Anh L2 thanh toán cho anh Q1 47.500.000 đồng. Nhận được tiền, anh Q1 chuyển 25.200.000 đồng tiền mua cát từ số tài khoản 102876940226 của vợ là Trần Thị L1 đến tài khoản số 19027690422014 của L mở tại Ngân hàng T2. Ngày 02/11/2023 và ngày 03/11/2023, L chuyển tổng số tiền 14.700.000 đồng đến số tài khoản 0968009989 của Trần Văn T mở tại Ngân hàng TMCP Q để thanh toán.

- Lần thứ ba: Chiều ngày 03/11/2023, anh L gọi điện để T chỉ vị trí khai thác cát sau đó gọi điện cho anh Q1 để bán cát và gọi cho anh Phạm Như H1, sinh năm

1989, trú tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định là chủ tàu NĐ-2966 để thuê chở cát đi bán. Khoảng 22 giờ cùng ngày, anh Q1 điều khiển tàu NB-8459 đến địa phận xã T, huyện H để lấy cát, hút cát đến khoảng 01 giờ 45 phút được khoảng 500m³ cát. Sau đó, anh Q1 liên hệ với anh Bùi Văn L2, sinh năm 1974, trú tại thôn H, xã Đ, huyện Đ để bán toàn bộ số cát này. Sau khi chở cát giao cho anh L2, anh L2 trả cho anh Q1 52.500.000 đồng. Ngày 04/11/2023, anh Q1 chuyển 28.000.000 đồng tiền mua cát từ số tài khoản 102876940226 của vợ là chị Trần Thị L1 đến số tài khoản 19027690422014 của anh L mở tại Ngân hàng T2. Ngày 03/11/2023, anh L chuyển khoản 14.000.000 đồng đến số tài khoản 0968009989 của Trần Văn T mở tại Ngân hàng TMCP Q để thanh toán.

- Lần thứ bốn: Khoảng 02 giờ 10 phút ngày 04/11/2023, anh Bùi Văn H gọi điện cho anh H1 để cho tàu NĐ-2966 di chuyển vào gần tàu vỏ xi măng do anh H quản lý để hút cát lên khoang tàu. Khi hút được 27,3m³ cát thì bị Tổ công tác của Phòng C Công an tỉnh T phối hợp với Công an huyện H, tỉnh Thái Bình kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang, những người làm thuê bỏ chạy.

Tổng khối lượng cát T và L khai thác trái phép là 1527,3m³, trị giá 244.368.000 đồng.

* Công văn số 80 ngày 08/11/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 tiến hành đo đạc vị trí tàu đỗ, khối lượng cát đã khai thác, phương tiện tạm giữ trên sông H, kết quả xác định:

“+ *Phương tiện thủy tàu xi măng không biển số vị trí tọa độ X(m) = 2276547,00; Y (m) 565868,00;*

+ *Phương tiện thủy tàu NĐ-2966, vị trí tọa độ X(m)= 2276544,00; Y (m) 565863,00;*

+ *Khối lượng cát trên phương tiện thủy NĐ-2966 là 27,3m³”.*

* Kết luận giám định số PTGD/37-2023 ngày 30/11/2023 của Trung tâm phân tích và kiểm định địa chất phân tích giám định - Cục Đ kết luận:

“- *Mẫu giám định là khoáng sản;*

- *Khoáng sản là cát dùng làm vật liệu xây dựng thông thường”.*

* Kết luận định giá tài sản số 40 ngày 25/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện H, kết luận: “*Tổng khối lượng cát làm vật liệu thông thường 1527,3m³, trị giá 244.368.000 đồng*”.

* **Cáo trạng số 18/CT-VKSTB ngày 06/3/2024** của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố Trần Văn T về tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Bị cáo thành khẩn khai nhận tuy không được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác tài nguyên khoáng sản, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này nhưng do nợ nần nhiều, để có tiền trả nợ, thông qua các mối quan hệ bạn bè, bị cáo đã tìm anh L để thuê tàu với giá thuê 500.000.000 đồng/tháng và thoả thuận cùng anh L khai thác cát để bán cho các cá nhân có nhu cầu nhằm có tiền trả nợ và duy trì cuộc sống cho gia đình. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng kinh tế gia đình khó khăn, nợ nần nhiều nên bị cáo đã phạm tội.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn L thừa nhận toàn bộ lời khai của bị cáo T, bị cáo T đã chỉ cho anh L biết vị trí khai thác cát và có nói cho anh L biết khu vực khai thác cát trái phép thuộc địa phận xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình không có giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đề nghị được nhận lại tàu vỏ xi măng, không biển kiểm soát để bán lấy tiền nộp xử phạt vi phạm hành chính và khắc phục hậu quả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình luận tội, giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội *“Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”*. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án tù từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T và anh L phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 244.368.000 đồng theo kỷ phần và nộp lại số tiền đã được hưởng lợi bất chính.

+ Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 27,3m³ cát và 01 tàu vỏ xi măng, không biển kiểm soát, đã qua sử dụng là vật chứng của vụ án, bị cáo và Đinh Văn L đã sử dụng vào việc phạm tội.

+ Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người có quyền lợi liên quan không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Cũng chỉ vì nợ nần quá nhiều, kinh tế gia đình khó khăn mà bị cáo phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở lại cuộc sống đời thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Thái Bình, của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại. Các hành vi, quyết định của Cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của anh Đinh Văn L và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, gồm:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2223/QĐ-XPVPHC ngày 30/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh H đối với Trần Văn T về hành vi “Khai thác cát lòng sông mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi tổng khối lượng cát khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm từ 50m³ trở lên” phạt tiền 175.000.000 đồng (bút lục số 41, 42);

- Biên bản vụ việc do Phòng C Công an tỉnh T lập hồi 02 giờ 30 phút ngày 04/11/2023 tại sông H, thuộc địa phận xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình (bút lục số 65, 66);

- Các biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm của Phòng C Công an tỉnh T lập ngày 04/11/2023 (bút lục từ số 81 đến số 86);

- Sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường nơi khai thác cát trên sông H, thuộc địa phận xã T, huyện H lập hồi 7 giờ 45 phút ngày 04/11/2023 (bút lục từ số 70 đến số 80; số 112);

- Sao kê số tài khoản của Đinh Văn L mở tại Ngân hàng T2; của Trần Văn T mở tại Ngân hàng TMCP Q (bút lục số 160 đến số 177; 190 đến số 201);

- Công văn số 80 ngày 08/11/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 (bút lục số 38);

- Công văn số 3365 ngày 10/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T xác định vị trí tọa độ $X(m) = 2276447,00$; $Y(m) = 56586,00$; $X(m) = 2276544,00$; $Y(m) = 565863,00$ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105030', múi chiều 30) thuộc địa phận xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; các vị trí trên không nằm trong diện tích mỏ cát được Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp giấy phép khai thác khoáng sản (bút lục số 96);

- Kết luận giám định số PTGD/37-2023 ngày 30/11/2023 của Trung tâm phân tích và kiểm định địa chất phân tích giám định - Cục Đ (bút lục số 26, 27);

- Kết luận định giá tài sản số 40 ngày 25/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện H (bút lục số 15);

- Lời khai của những người làm chứng anh Bùi Văn H (bút lục từ số 291 đến số 304); anh Trần Văn Q1 (bút lục từ số 305 đến số 321); anh Phạm Như H1 (bút lục từ số 322 đến số 331); ông Lưu Xuân H2 (bút lục từ số 332 đến số 334); anh Phạm Quốc H3 (bút lục từ số 335 đến số 337); anh Phạm Xuân T1 (bút lục số 338, 339); anh Bùi Văn L2 (bút lục từ số 340 đến số 342);

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Trần Văn T mặc dù đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh H ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2223/QĐ-XPVPHC ngày 30/11/2022 về hành vi khai thác cát lòng sông mà không có giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng trong các ngày 29/10/2023, 31/10/2023, 03/11/2023 và 04/11/2023 khi chưa hết thời hiệu được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, T đã có hành vi thuê tàu của anh Đinh Văn L, cùng với anh Đinh Văn L có hành vi khai thác cát dưới lòng sông H4 thuộc địa phận xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình mà không có giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với khối lượng tài nguyên (cát dùng làm vật liệu xây dựng) khi bị bắt quả tang ngày 04/11/2023 trên tàu có 27,3m³; tổng khối lượng cát khai thác là 1527,3m³, trị giá 244.368.000 đồng, anh L bán được 83.200.000 đồng, trong đó T hưởng lợi 46.500.000 đồng, anh L hưởng lợi 36.700.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Điều 227. Tội vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên.

“1. Người nào vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên trong đất liền, hải đảo, nội thủy, vùng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và vùng trời của Việt Nam mà không có giấy phép hoặc không đúng với nội dung giấy phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

đ) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

2...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.

...

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố đối với bị cáo Trần Văn T là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về khai thác tài nguyên trong lòng nội thủy, gây tác động xấu đến môi trường, dòng chảy, làm xói sâu lòng sông, có thể dẫn đến sạt lở, gây bức xúc cho quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã có tiền sự về cùng hành vi, nhận thức được hành vi đó là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện và thực hiện nhiều lần vì vụ lợi. Cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo có 01 tiền sự nhưng đây là điều kiện để truy tố bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự vì bị cáo thực hiện hành vi khai thác cát trái phép trong 4 lần vào các ngày 29/10/2023, 31/10/2023, 03/11/2023 và 04/11/2023.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp 10.000.000 đồng để bồi thường một phần thiệt hại, bị cáo là người thờ cúng bác ruột là Liệt sỹ có nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì vụ lợi nhưng không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc tàu bị cáo sử dụng để khai thác cát trái phép bị cáo thuê của anh Đinh Văn L là phương tiện chưa đăng ký sử dụng, anh L biết rõ T thuê để dùng vào việc phạm tội nhưng vẫn cho thuê để được hưởng lợi từ hành vi khai thác cát, vì vậy cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số cát 1500m³ cát bị khai thác trái phép đã bán không thu hồi được, còn lại 27,3m³ cát khai thác trái phép ngày 04/11/2023 cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại Kết luận định giá tài sản số 40 ngày 25/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện H, kết luận: “*Tổng khối lượng cát làm vật liệu thông thường 1527,3m³, trị giá 244.368.000 đồng*”.

Như vậy, buộc bị cáo và anh L phải bồi thường số tiền 244.368.000 đồng theo kỹ phần thụ hưởng khi bán thu lợi trong đó phần của T là 136.574.000 đồng, phần của anh L là 107.794.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo và anh L phải nộp Ngân sách Nhà nước số tiền được hưởng lợi bất chính trong đó phần T là 46.500.000 đồng, phần anh L là 36.700.000 đồng.

[8] Các vấn đề khác:

- Đối với anh Đinh Văn L biết rõ Trần Văn T không có giấy phép khai thác khoáng sản dưới lòng sông H thuộc địa phận xã T, huyện H nhưng vẫn cho T thuê tàu nạo vét và thỏa thuận với T để T chỉ vị trí khai thác cát sau đó chính L sử dụng tàu xi măng không đăng ký kiểm soát của mình cho T lắp đặt hệ thống hút cát để hút cát lên tàu của anh Trần Văn Q1, anh Phạm Như H1 bán thu lợi nhưng do L chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị kết án về “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, tiền thu lợi không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L nên ngày 28/02/2024 Ủy ban nhân dân tỉnh T ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 175.000.000 đồng là phù hợp.

- Đối với anh Trần Văn Q1 chủ tàu NB-8459 là người mua 1500m³ cát khi thực hiện mua cát không biết anh L khai thác trái phép, có yêu cầu cung cấp hóa đơn nhưng được L trao đổi sẽ cung cấp sau nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T không xử lý là phù hợp.

- Đối với anh Phạm Như H1 chủ tàu NĐ-2966, ngày 04/11/2023 được anh L thuê vận chuyển cát từ vị trí khai thác đến khu vực bến bãi gần cầu L nhưng không biết cát anh L thuê vận chuyển là do khai thác trái phép mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T không xử lý là phù hợp.

- Đối với anh Bùi Văn H (em họ L) được anh L thuê trông coi, quản lý tàu nhưng không biết anh L khai thác cát trái phép nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T không xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*”.

[2] Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Trần Văn T và anh Đinh Văn L phải bồi thường tổng số tiền là 244.368.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước trong đó T phải nộp 136.574.000 đồng, anh L phải nộp 107.794.000 đồng.

- Buộc bị cáo Trần Văn T và anh Đinh Văn L phải nộp lại số tiền được hưởng lợi bất chính là 83.200.000 đồng vào Ngân sách Nhà nước trong đó T phải nộp 46.500.000 đồng, anh L phải nộp 36.700.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền Trần Văn T phải nộp là 183.074.000 đồng, bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình theo Biên lai thu tiền số 0000120 ngày 16/02/2024, còn phải nộp số tiền 173.074.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn đồng); tổng số tiền anh Đinh Văn L phải nộp là 144.494.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu hóa giá nộp vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) tàu vỏ xi măng lắp bơm hút cát đã qua sử dụng, không biên kiểm soát và 27,3m³ cát.

(Theo Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án lập ngày 06/3/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình).

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/5/2024./.

Nơi nhận:

- Cơ quan Cảnh sát hình sự, Cơ quan Thi hành án hình sự, phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Thái Bình.
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn